

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 30/2020/HS-ST

Ngày: 18-02-2020

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nguyên.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Anh Tuấn.

Bà Vương Thị Minh Tân.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Minh Khiển - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 23/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Đăng K, sinh năm 1989 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số nhà E4P8 tập thể V, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Mạnh K và bà Lại Thị N; chưa có vợ, con; tiền án: Ngày 19-11-2013 Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 24 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Ngày 24-11-2015 Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 33 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 05-9-2007 Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 36 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18-12-2019 sau đó chuyển tạm giam đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Đinh Thị N, sinh năm 1952; nơi cư trú: Số nhà 73 đường L, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định.

(Bị hại có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ 00 ngày 16-12-2019, Trần Đăng K một mình đi bộ đến khu vực chợ 5 tầng, phường T, thành phố N mục đích tìm tài sản để chiếm đoạt. K quan sát thấy bà Đinh Thị N, sinh năm 1952, trú tại số 73 đường L, phường C, thành phố N đi bộ trên đường T hướng từ chợ về phía Ga Nam Định. Trên tay phải bà N xách một làn nhựa đựng đồ ăn, tay trái cầm một túi nylon đựng rau và một túi vải. K đi theo bà N tìm thời cơ thuận lợi để giật chiếc túi vải. Khi đến đầu ngõ 119 đường T, phường T, thành phố N, bà N vào cửa hàng tạp hóa để mua hàng. Lúc này K đứng chờ tại đầu ngõ và quan sát được bà N lấy tiền mua hàng và cất tiền thừa vào chiếc túi vải trên tay trái. Sau khi mua hàng ở cửa hàng tạp hóa, bà N đi vào trong ngõ, khi đến trước cửa nhà số 12 ngõ 119 đường T, phường T, thành phố N, K quan sát thấy trong ngõ vắng người qua lại nên chạy từ phía sau bà N lên áp sát và dùng tay phải giật chiếc túi vải rồi quay ngược ra khỏi ngõ hướng về phía đường T. Bà N hô hoán “Cướp cướp” nhưng K chạy thoát được tới đường Đ ra hướng đường L rồi đi bộ ra hồ Truyền Thống, thành phố N K mở túi kiểm tra có 01 tờ tiền 20.000 đồng, 01 tờ tiền 10.000 đồng, 02 tờ tiền 5.000 đồng 01 tờ tiền 2.000 đồng, 01 tờ tiền 1.000 đồng. Tổng số tiền bên trong chiếc túi là 43.000 đồng, K cất tiền vào túi của mình và vứt chiếc túi vải xuống hồ. Số tiền trên K tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi xảy ra vụ việc, bà Đinh Thị N đến Công an phường T thành phố N để trình báo. Ngày 18-12-2019, Trần Đăng K đi bộ ngang qua ngõ 119 đường T, thành phố N thấy đầu ngõ có gắn Camera đồng thời biết được mình bị Công an phường T triệu tập nên đã đến Công an phường T để đầu thú.

Tại Cơ quan điều tra, K khai nhận hành vi của bản thân phù hợp với các tài liệu chứng cứ Cơ quan điều tra thu thập được. Cơ quan điều tra đã trích xuất được Camera trước cửa nhà số 117 đường T và tiến hành thu giữ được bộ quần áo K mặc lúc thực hiện hành vi cướp giật tài sản ngày 16-12-2019. Chiếc túi vải K khai vứt xuống hồ Truyền Thống thành phố N, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không có khả năng thu hồi.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Đinh Thị N khai chiếc túi vải trong vụ án không có giá trị nên không yêu cầu K bồi thường. Đối với số tiền 43.000 đồng K cướp giật của bà N nay bà N không yêu cầu K phải trả lại và không yêu cầu đề nghị gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 24/CT-VKSNDTPNB ngày 20-01-2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N đã truy tố Trần Đăng K về tội “Cướp giật tài sản” theo Điểm i Khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Đăng K thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình. Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo bị truy tố như nội dung bản Cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo Trần Đăng K tại phiên tòa thể hiện hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo đã ra đầu thú để khai nhận hành vi phạm tội của mình. Do đó, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Đăng K phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Áp dụng Điểm i Khoản 2 Điều 171; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Đăng K từ 04 (Bốn) năm đến 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ 01 chiếc áo khoác tối màu và 01 chiếc quần bò màu đen đều đã cũ.

Bị cáo Trần Đăng K nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật. Bị cáo đã ra đầu thú; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố

tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở để kết luận khoảng 08 giờ 00 phút ngày 16-12-2019, Trần Đăng K đã có hành vi công khai, nhanh chóng giật lấy của bà Đinh Thị N 01 chiếc túi vải bên trong có 43.000 đồng tại khu vực trước cửa số nhà 12 ngõ 119 đường T, thành phố N rồi bỏ chạy. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, lỗi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đã có hai tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo quy định tại Điểm i Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo hộ, gây mất trật tự an toàn xã hội. Bị cáo có hai tiền án chưa được xóa án tích thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” là tình tiết định khung nên bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng là người có nhân thân xấu. Bị cáo đã ra đầu thú; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; giá trị tài sản bị cáo cướp giật của bà N không lớn nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên đối với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn nhưng ở mức thấp hơn mức đề xuất của Viện kiểm sát để cách ly, giáo dục, cải tạo bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo cũng như để góp phần phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bà Đinh Thị N không yêu cầu K phải trả lại số tiền 43.000 đồng nên vấn đề dân sự không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 chiếc áo khoác tối màu và 01 chiếc quần bò màu đen đều đã cũ bị cáo mặc khi thực hiện hành vi phạm tội không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo Trần Đăng K phải nộp án phí hình sự theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Đăng K phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Căn cứ vào Điều i Khoản 2 Điều 171; Điều s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Xử phạt bị cáo Trần Đăng K 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù.

- Thời hạn tù của bị cáo được tính từ ngày 18-12-2019.

2. Xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy 01 chiếc áo khoác tối màu và 01 chiếc quần bò màu đen đều đã cũ (Chi tiết vật chứng ghi trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 20-01-2020 giữa Công an thành phố N và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N).

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Đăng K phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Đăng K được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại là bà Đinh Thị N được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. N;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. N;
- Công an TP. N;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức nguyên

